

第24課 コラム 日本語のいろいろな表現

Bài 24 Những cách diễn đạt trong tiếng Nhật

1. 現場によって異なる表現

日本では、地方によって、同じ意味でも異なる表現をすることがあります。「方言」と言います。例えば下のような例がありますので、疑問に思うことがあったら、一緒に働く人に尋ねてみましょう。

1. Các cách diễn đạt khác nhau tùy theo địa điểm

Tại Nhật Bản, có sự khác nhau trong cách diễn đạt để chỉ cùng một sự vật sự việc tùy theo địa phương. Các cách diễn đạt này gọi là "Phương ngữ". Cụ thể như một số ví dụ dưới đây. Nếu có điều gì thắc mắc, bạn hãy hỏi đồng nghiệp.

Số	Từ vựng	Cách đọc (Hiragana)	Dịch	Phương ngữ
1	片づける	かたづける	Dọn dẹp	なおす
2	捨てる	すてる	Vứt, bỏ	ほかす、なげる
3	掃く	はく	Quét	はわく
4	持ち上げる	もちあげる	Nhấc lên	つる
5	束ねる	たばねる	Buộc, bó	きびる
6	足をくじく	あしをくじく	Bong gân chân	ぐねる

第24課 コラム 日本語のいろいろな表現

Bài 24 Những cách diễn đạt trong tiếng Nhật

2. 現場によって異なる表現

建設現場で使う道具は、地方、年代や会社によって、同じものでも違う呼び方をすることがあります。例えば下のような例があります。皆さんの現場で使う表現をメモしておくと便利です。

2. Các cách diễn đạt khác nhau tùy theo địa điểm

Trong các đồ nghề dùng tại công trường, có những thứ được gọi bằng tên khác nhau tùy theo địa phương, công ty và lứa tuổi người nói.
i. Ví dụ như dưới đây. Sẽ có ích nếu bạn ghi chép lại và ghi nhớ cách nói tại nơi mình làm việc.

Số	Từ vựng	Cách đọc (Hiragana)	Dịch	Tên gọi khác
1	一輪車	いちりんしゃ	Xe cút kít	ねこ
2	支柱	しちゅう	Thanh giằng	サポート
3	ショベル	しょべる	Cái xẻng	スコップ
4	かけや	かけや	Búa lớn làm bằng gỗ sồi	鳴り物(なりもの)、大鳴り(おおなり)

第24課 コラム 日本語のいろいろな表現

Bài 24 Những cách diễn đạt trong tiếng Nhật

3. 建設現場の独特な表現

建設現場で一番大切なのは安全です。そのため、危険な時や、あなたが危険につながりそうな行動をとった時は、大声で声をかけられたり、厳しく怒鳴られることがあります。それらはあなたや、あなたと一緒に働く人たちの安全を守るための言葉です。びっくりするかもしれませんが、決してあなたを罵倒するための言葉ではありません。安全に心掛けて、事故を起こさないよう注意しましょう。非常事態など緊急性が高い場合は、特に表現が短く強くなることが多いです。

3. Cách diễn đạt đặc trưng ở công trường

Ở công trường, điều quan trọng nhất là an toàn. Vì vậy, trong trường hợp nguy hiểm hoặc khi bạn có hành động có thể dẫn tới nguy hiểm, có những khi bạn bị người khác lớn tiếng nhắc nhở hoặc bị mắng gay gắt. Mục đích nói như vậy là để bảo vệ sự an toàn của bạn và những người cùng làm việc với bạn. Có thể bạn bị sốc, nhưng đó hoàn toàn không phải là nhằm lăng mạ bạn. Hãy luôn chú ý đảm bảo an toàn và không để xảy ra tai nạn. Người Nhật thường sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn và mạnh mẽ trong các trường hợp khẩn cấp.

表現	Cách đọc (Hiragana)
ぼんやりするな!ケガするぞ。	Đừng có lơ đãng! Bị thương đó!
ばかやろう!危ない!	Đồ ngu! Nguy hiểm!
何やってんだ。危ないぞ。戻れ!	Làm cái gì thế? Nguy hiểm đấy! Quay lại!
いいから、戻ってこい!	Kệ đó. Quay lại đây!
勝手に中に入るな!	Không được tự tiện vào!

第24課 コラム 日本語のいろいろな表現

Bài 24 Những cách diễn đạt trong tiếng Nhật

4. 質問・確認することの大切さ

わからないことがあったら、作業の前に必ず質問して、確認してください。わからないまま作業すると、事故が起きる可能性が高くなって、とても危険です。日本の職場では安全に関する質問をすることは恥ずかしいことではありません。積極的に質問して、安全に作業しましょう。

4. Tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi và kiểm tra lại

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ đặt câu hỏi cũng như kiểm tra trước khi bắt đầu làm việc. Nếu bạn cứ làm trong khi chưa hiểu rõ thì khả năng xảy ra tai nạn sẽ tăng lên, rất nguy hiểm. Tại các nơi làm việc ở Nhật Bản, đặt câu hỏi về an toàn không có gì đáng xấu hổ. Bạn hãy tích cực đặt câu hỏi và làm việc an toàn.

Cách nói	Cách đọc (Hiragana)
どうしてですか。	Tại sao vậy?
これでいいですか。	Như thế này có được không?
すみません。もう一度お願いします。	Xin lỗi. Anh/Chị làm ơn nói/làm lại một lần nữa.
これはどうやって使いますか。もう一度教えてください。	Cái này dùng như thế nào? Anh/Chị làm ơn hướng dẫn tôi một lần nữa.
すみません。「丸のこ」ってどれですか。	Xin lỗi anh/chị. "Marunoko" là cái nào?
「ケレンがけ」ってどういう意味ですか。	"Kerengake" nghĩa là gì?